TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 8 - 2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Ánh Hoa

Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lưu Thị H, Sinh năm: 1984. Địa chỉ: Ấp Tân Trung, phường HT, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Căn cước số: 096184018605

- *Bị đơn*: Ông Bùi Thanh T, Sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp Tân Trung, phường HT, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Căn cước công dân số: 096078002045

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: Khóm 7, xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lưu Thị H trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Bùi Thanh T tự nguyện chung sống vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là Uỷ ban nhân dân phường HT, tỉnh Cà Mau), Giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyển 01/2007. Trong thời gian chung sống đến năm 2023 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả với nhau, vợ chồng không còn hòa hợp, ông T nhiều lần đánh bà, đã ly thân với nhau khoảng 02 năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung* Bà và ông T có 03 người con chung tên Bùi Huy Thịnh, sinh ngày 26/4/2011; Bùi Huy Thuần, sinh ngày 29/6/2013 và Bùi Như Huỳnh, sinh ngày 01/11/2016. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Như Huỳnh, giao cháu Thịnh và cháu Thuần cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

- *Về tài sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam 24.000.000 đồng, bà đã thanh toán cho Ngân hàng 12.000.000 đồng; còn nợ 12.000.000 đồng, bà yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán.

Ông Bùi Thanh T trình bày trong quá trinh giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- *Về hôn nhân:* Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn đúng như bà Lưu Thị H trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Ông đồng ý ly hôn với bà H.

- *Về con chung:* Ông và bà H có 03 người con chung tên Bùi Huy Thịnh, sinh ngày 26/4/2011; Bùi Huy Thuần, sinh ngày 29/6/2013 và Bùi Như Huỳnh, sinh ngày 01/11/2016. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu Bùi Như Huỳnh cho bà H nuôi dưỡng, giao Bùi Huy Thịnh và Bùi Huy Thuần cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam vào năm 2020 số tiền 12.000.000 đồng, mục đích để sinh hoạt gia đình, đến nay chưa thanh toán được khoản nào. Khi ly hôn, ông yêu cầu chia đôi khoản nợ trên, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán 6.000.000 đồng.

Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam ông Đỗ Ca Sil trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Bùi Thanh T và bà Lưu Thị H với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch NHCSXH huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau); theo đó ông Bùi Thanh T và bà Lưu Thị H đã vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội, mục đích sử dụng vốn vay là khoan cây nước và xây cầu vệ sinh, số khế ước vay tiền 6600000717299317 với số tiền vay là 12.000.000 đồng. Vay ngày 12/03/2020, Hạn trả nợ cuối cùng là 12/03/2025; Lãi suất cho vay 9%/năm, lãi suất quá hạn 13,5%/năm. Số tiền còn nợ đến ngày

11/8/2025: 12.090.000 đồng, trong đó Tiền gốc: 12.000.000 đồng, tiền lãi là: 90.000 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Toà án xét xử buộc ông Bùi Thanh T và bà Lưu Thị H có trách nhiệm thực hiện trả số tiền gốc và số tiền lãi quá hạn đến khi tất toán món vay cho Ngân hàng.

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Đại diện Ngân hàng Chính sách xã Hội Việt Nam đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với đại diện Ngân hàng.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên bà Lưu Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Bùi Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H cho rằng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả với nhau, đã sống ly thân với nhau cách nay hơn 02 năm; Ông T xác định hôn nhân của ông bà không hạnh phúc đúng như trình bày của bà H, nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà H và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T.

[3] Con chung: Bà H và ông T có 03 người con chung tên Bùi Huy T, sinh ngày 26/4/2011; Bùi Huy Th, sinh ngày 29/6/2013 và Bùi Như H, sinh ngày 01/11/2016. Khi ly hôn, bà H, ông T thống nhất giao cháu Huỳnh cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thịnh và cháu Thuần cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Như Huỳnh đang sống ổn định với bà H, cháu Huỳnh cũng có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu Thịnh và cháu Thuần đang sống ổn định với ông T, cháu Thịnh và cháu Thuần có nguyện vọng sống với cha. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, không ảnh hưởng đến sinh hoạt, sự phát triển của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Bà H, ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Nợ chung: Bà H xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam 24.000.000 đồng, bà đã thanh toán cho Ngân hàng 12.000.000 đồng; còn nợ 12.000.000 đồng, bà yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán; còn ông T xác định vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 12.000.000 đồng, yêu cầu mỗi người thanh toán 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung trong vụ án này.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp. Trường hợp có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị H, về việc yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thanh T.

Con chung: Giao cháu Bùi Như H, sinh ngày 01/11/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Huy T, sinh ngày 26/4/2011 và Bùi Huy Th, sinh ngày 29/6/2013 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H và ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng; Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Lưu Thị H phải nộp 300.000 đồng. Ngày 19/02/2025, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0010329 được chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường Hòa Thành, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).